

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày: 11-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển

Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thê - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1997, tại Bình Phước; (tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Thôn 7, Xã K, Huyện Đ, Tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn Th - sinh năm 1970, bà Đặng Thị H - sinh năm 1978; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 2001 và con Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

+ Ông Đặng Quốc L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Lê Duy H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội vào tháng 12/2021.

Khoảng 10 giờ, ngày 03/01/2022, T rủ Đ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý, Tiến giao xe mô tô biển số: 93P2 – 062.58 để Đ điều khiển chở T đến khu vực lô cao su số 85, tổ 13, nông trường 9, Công ty cao su P thuộc thôn T, xã B, huyện P. Tại đây, cả hai phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave Alpha, màu: Đỏ, biển số: 93P1 – 567.49 của chị Nguyễn Thị H đang dựng ở trong lô cao su (Chìa khóa vẫn cắm trên ổ điện). T nói Đ dừng xe lại để T đi vào mở chìa khóa của chị H nổ máy điều khiển xe cùng với Đ điều khiển xe biển số: 93P2 – 062.58 bỏ chạy ra hướng đường ĐT 741. Lúc đó, chị H đang cạo mủ cao su gần đó phát hiện nên chạy bộ đuổi theo và truy hô, đồng thời điện thoại cho anh Đặng Quốc L (cùng tổ cạo mủ cao su với chị H) để bắt giữ. Nghe chị H truy hô nên anh Lê Duy H đang ở gần đó lấy xe mô tô của mình đuổi theo và cùng anh L, anh Nguyễn Văn Ph bắt được Đ, còn T bỏ xe lại trên đường, chạy bộ trốn thoát.

Quá trình bắt quả tang thu giữ: 01 xe mô tô biển số đăng ký: 93P1 – 567.49; 01 xe mô tô biển số đăng ký: 93P2 – 062.58; 01 đoạn băng kim loại màu trắng dài 7,6cm dùng để phá ổ khóa xe; 01 quần jean nam dài, màu xanh dính nhiều đất đỏ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định: Tại thời điểm tài sản bị chiếm đoạt ngày 03/01/2022: 01 mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, biển số: 93P1 – 567.49 có giá trị: 3.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CTr-VKSPR ngày 17/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo các bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50, 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 21/CTr-VKSPR ngày 17/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo. Xét lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản là phù hợp với nhau. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 03/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lên lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave Alpha, màu: Đỏ, biển số: 93P1 – 567.49 của chị Nguyễn Thị H tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước với giá trị tài sản là 3.900.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là đối tượng lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bán lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu bản thân, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn và cũng đã hoàn trả lại cho bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp nên được chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo chưa phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

+ Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân lai lịch) là người cùng Đ thực hiện hành vi phạm tội. Hiện chưa làm việc được, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã tách ra, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ đề xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn Đ là không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không đặt ra việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Đối với xe mô tô biển số: 93P1 – 567.49. Quá trình điều tra chứng minh được đây là tài sản hợp pháp của gia đình chị H nên ngày 27/01/2022, Cơ quan CSĐT, Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho H là phù hợp nên không đề cập xử lý.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Exciter, biển số 93P2 – 062.58 mà Đ sử dụng vào việc phạm tội. Qua tra cứu xe này có biển số: 75F1-323.04, chủ xe mang tên Đào Trọng T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Q, QĐ, Thừa Thiên Huế; đã ủy thác điều tra nhưng chưa có kết quả trả lời, còn biển số 93P2 – 062.58, chủ xe mang tên: Nguyễn Thị Ngọc Th; Địa chỉ: P, P bị mất trộm tại xã B, huyện P năm 2019 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện P tách ra để bàn giao chiếc xe và biển số trên xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét, giải quyết.

+ Đối với một đoạn băng kim loại màu trắng dài 7,6cm dùng để phá ổ khóa xe; 01 quần jean nam dài, màu xanh dính nhiều đất đỏ. Đây là tư trang cá nhân và dụng cụ phạm tội của bị cáo, do không còn giá trị sử dụng và bị cáo cũng không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, Điều 50, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **04 (bốn) tháng 08 (tám)** ngày tù giam (Bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/01/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 một đoạn bằng kim loại màu trắng dài 7,6cm dùng để phá ổ khóa xe; 01 quần jean nam dài, màu xanh dím nhiều đất đỏ.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0011800, quyển số 0236, ngày 16/3/2022 giữa Công an huyện Phú Riềng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường